

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2017/HSST
Ngày 26/12/2017.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ – TỈNH HƯNG YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Quỳnh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Xuân Thuật.

2/ Ông Vũ Minh Đón.

-Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên mở phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số 70/2017/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **LUYỆN VĂN T**, sinh năm 1980.

Sinh trú quán: *Thôn L, xã L, huyện M, tỉnh Hưng Yên.*

Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Luyện Văn Đ; sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị Kh; sinh năm: 1950; nghề nghiệp: Làm ruộng; gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ nhất; vợ: Lò Thị Ch; sinh năm: 1983; nghề nghiệp: Làm ruộng; con: Chưa có.

***Tiền án:**

-Ngày 15/01/2016 Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

-Ngày 16/11/2016 Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

***Nhân thân:** Ngày 12/8/2015 bị Công an huyện Yên Mỹ xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 23/8/2017 chuyển tạm giam. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên. Theo lệnh trích xuất, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:** Chị Phạm Thị M, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã G, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Khu đô thị H, xã H, huyện H, tỉnh Hưng Yên.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1950 (có mặt).

Trú quán: Thôn L, xã L, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

*** Những người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

2. Ông Bùi Văn H, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn X, xã L, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

3. Ông Chu Văn K, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L, xã Th, huyện Đ, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Vũ Văn B, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn H, xã H, huyện M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Luyện Văn T là đối tượng mới chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương sinh sống, khoảng 10 giờ ngày 17/8/2017, T điều khiển xe mô tô sơn màu đỏ, biển kiểm soát 89K7 – 4082 đi từ nhà đến xã H, huyện H chơi, khi đi đến chợ Bao Bì, huyện H, T thấy chị Phạm Thị M điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu xanh, biển kiểm soát 89F1 - 152.26 có treo 01 túi xách giả da màu đen ở móc khu để chân, T đã nảy sinh ý định cướp giật tài sản của chị M, nên đã đi theo sau chị M, khi đi đến đường 39A thuộc thôn H, xã X, huyện M quan sát thấy đường vắng, T tăng ga đi bên phải xe của chị M, khi đi ngang xe của chị M, bị cáo thò tay trái qua phía dưới tay phải của chị M cầm quai túi xách ra khỏi xe rồi tăng ga bỏ chạy đến chùa Báo Ân, thôn X, xã H, huyện M mở túi xách ra kiểm tra có một tập tiền 500.000đ và một số tiền lẻ có mệnh giá khác nhau, sau đó T đi về nhà cất giấu xe cùng tài sản cướp được ở dưới bếp và lấy hơn 800.000đ tiền lẻ đi mua một áo sơ mi kẻ màu đen trị giá 60.000đ, 01 bao thuốc lá Thăng Long giá 10.000đ, ăn tiêu hết 410.000đ, còn lại 395.000đ.

Ngày 17/8/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện Yên Mỹ khám xét khẩn cấp nơi ở của Tuấn, thu giữ tại bếp nhà T 01 xe máy sơn màu đỏ, biển kiểm soát 89K7 – 4082; thu trong chum sành đang úp ngược ở góc bếp 01 túi xách màu đen, trên túi có ghi chữ “min min” bên trong có 01 chứng minh thư nhân dân của chị Phạm Thị M do Công an tỉnh Hải Dương cấp ngày 16/7/2010, số tiền 30.000.000đ gồm toàn tờ tiền mệnh giá 500.000đ; 01 điện thoại samsung màu trắng xám note3 bên trong có sim số 0975641888; 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu trắng đã cũ bên trong có sim số 0983791708. Cùng ngày cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ ra lệnh bắt khẩn cấp Luyện Văn T, thu giữ của T 01 áo sơ mi kẻ màu đen và số tiền 395.000đ.

Tại Kết luận định giá tài sản số 32/ KL – ĐG ngày 24/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Mỹ kết luận: 01 chiếc túi xách giả da màu đen đã cũ trị giá 20.000đ; 01 chiếc điện thoại samsung màu trắng note3 trị giá 2.050.000đ; 01 chiếc điện thoại Iphone 6 Plus trị giá 8.090.000đ.

Chị Phạm Thị M khai bên trong túi xách bị Tuấn cướp giật có số tiền khoảng 55.000.000đ nhưng quá trình điều tra chỉ có căn cứ xác định bên trong túi có số tiền 30.875.000đ.

Ngày 25/8/2017 cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ trả lại cho chị M 01 túi xách, 02 điện thoại di động và số tiền 30.395.000đ, chị M yêu cầu Tuấn phải bồi thường số tiền còn lại khoảng 24.605.000đ.

Đối với chiếc xe mô tô sơn màu đỏ biển kiểm soát 89K7 – 4082, quá trình điều tra xác định xe của bà Nguyễn Thị Kh, bà Kh không biết việc Tuấn sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, nên cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ đã trả lại cho bà Kh.

Tại bản cáo trạng số 68/QĐ-VKS-HS, ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo Luyện Văn T về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận khi phát hiện chị M có túi treo ở móc xe nên đã nảy sinh ý định cướp tài sản của chị M để lấy tiền tiêu xài, khi mang về nhà cất giấu bị cáo chỉ lấy số tiền lẻ khoảng 800.000đ đi chi tiêu, còn toàn bộ số tiền mệnh giá 500.000đ bị cáo vẫn để trong túi xách và khi cơ quan Công an đến kiểm tra đã thu giữ túi xách cùng toàn bộ tài sản bên trong. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ đề nghị HĐXX. tuyên bố bị cáo Luyện Văn T phạm tội “Cướp giật tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Luyện Văn Tuấn từ 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 17/8/2017. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn có quan điểm về trách nhiệm dân sự, vật chứng và án phí.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên: Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại và người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khi cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ khám xét nơi ở của bị cáo thu giữ được 01 túi xách, bên trong có 02 điện thoại, 01 chứng minh thư của chị M và số

tiền 30.000.000đ, tại các biên bản ghi lời khai và biên bản hỏi cung từ BL 89 – 100, bị cáo khai nhận là người trực tiếp lấy túi xách của chị M, tại phiên tòa hôm nay T xác định toàn bộ tài sản cơ quan CSĐT Công an huyện Yên Mỹ thu giữ tại nhà T là do bị cáo giật túi của chị M mà có, như vậy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, nên HĐXX. có đủ căn cứ xác định sáng ngày 17/8/2017 tại đoạn đường 39A thuộc thôn H, xã X, huyện M, Huyện Văn T đã giật túi xách của chị M, bị cáo công khai thực hiện hành vi lấy túi xách khi chị M đang điều khiển xe máy, sau khi lấy được thì đã tăng ga bỏ chạy, làm cho chị M không kịp ngăn cản và truy đuổi, do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội cướp giật tài sản theo quy định tại điều 136 Bộ Luật hình sự. Bị cáo dùng xe máy làm phương tiện phạm tội, theo điểm 5.3 mục 1 phần I của thông tư số 02/2001/ TTLT –TANDTC–VKSNDTC–BTP–BCA ngày 25/12/2001 thì đây là thủ đoạn nguy hiểm. Tháng 01 năm 2016 bị cáo bị xử phạt 08 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tháng 11 năm 2016 bị cáo bị xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, theo điểm b khoản 2 Điều 49 Bộ Luật hình sự lần phạm tội này của bị cáo là tái phạm nguy hiểm, do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ Luật hình sự. Vì vậy, bản cáo trạng số 68/QĐ–VKS–HS ngày 30/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Mỹ truy tố bị cáo về tội “*Cướp giật tài sản*” theo điểm c, d khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 136 Bộ Luật hình sự quy định:

1....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm

....

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Dùng thủ đoạn nguy hiểm;

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác là một khách thể của pháp luật hình sự, hành vi của bị cáo còn đe dọa tính mạng, sức khỏe của chị Mai, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, làm cho quần chúng nhân dân hoang mang, lo lắng, bất bình. Bị cáo mới chấp hành xong hình phạt tù, không lấy đó là bài học để rèn luyện bản thân, làm ăn lương thiện bằng chính sức lao động của mình, mà bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với thủ đoạn nguy hiểm, do vậy, cần phải dành cho bị cáo một bản án nghiêm khắc thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục.

[3] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự.

Sau khi cân nhắc tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, HĐXX. xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để các cơ quan chức năng tiếp tục

cải tạo, giáo dục bị cáo, thì mới có tác dụng để bị cáo trở thành người làm ăn lương thiện, sống có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời mới có tác dụng phòng ngừa tội phạm.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo mới ra tù không có công ăn việc làm, không có tài sản tích lũy, do vậy, nay miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chị M khai báo trong túi xách của chị có số tiền khoảng 55.000.000đ, quá trình điều tra chị không đưa ra được chứng cứ chứng minh mất số tiền như trên, cơ quan điều tra chỉ xác định được trong túi xách của chị M có số tiền 30.875.000đ, chị M đã nhận lại 30.395.000đ, nay buộc bị cáo phải trả lại chị M 480.000đ.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Cơ quan điều tra đã trả lại chị Mai 30.395.000đ cùng túi xách, chứng minh thư nhân dân và 02 điện thoại là đúng pháp luật.

Đối với chiếc xe mô tô sơn màu đỏ, biển kiểm soát 89K7 – 4082 quá trình điều tra xác định là của bà Nguyễn Thị Kh, bà Kh không biết bị cáo dùng xe này đi phạm tội, nên cơ quan điều tra đã trả lại bà Kh xe máy trên là đúng pháp luật.

Đối với chiếc áo sơ mi dài tay màu đen kẻ sọc xanh – đỏ, tại phiên tòa bị cáo không yêu cầu lấy lại, do áo không có giá trị, vì vậy, nay tịch thu cho tiêu hủy.

[7] Về án phí: HĐXX. xác định bị cáo có tội, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 98, 99 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 1999.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Luyện Văn T phạm tội: “*Cướp giết tài sản*”.

2/ Áp dụng: Điểm c, d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ Luật hình sự; Xử phạt bị cáo Luyện Văn T 06 (sáu) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 17/8/2017.

3/ Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 điều 42 Bộ Luật hình sự buộc bị cáo Luyện Văn T phải trả lại chị Phạm Thị M số tiền 480.000đ.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ đối với số tiền phải thi hành, nếu bên phải thi hành chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ Luật hình sự; khoản 1; điểm đ khoản 2 Điều 76 Bộ Luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 chiếc áo sơ mi dài tay màu đen kẻ sọc xanh – đỏ.

Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 04 tháng 12 năm 2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Mỹ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên.

6/ Về án phí: Áp dụng Điều 98; 99 Bộ Luật tố tụng hình sự; khoản 1; 3 Điều 21 ; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Luyện Văn T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự và 300.000đ (*ba trăm nghìn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Công an huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục THADS huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Ngọc Long, huyện Yên Mỹ ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Xuân Quỳnh

